

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-01-2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiệp Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Trinh.

Bà Phan Thị Vi Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đồng Vũ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2019/QĐ-ST ngày 24/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh P, sinh năm 1984.

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan), hộ chiếu số 306714185 do Đài Loan cấp ngày 11/01/2013.

Địa chỉ: khóm 014, phường A Đan, trấn Đầu Nam, huyện Vân Lâm, Đài Loan.

Người đại diện theo hợp pháp của nguyên đơn để nhận các văn bản tố tụng: Bà Từ Cẩm P, sinh năm 1978, địa chỉ: phường 6, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, theo Đơn xin xét xử điều giải, vắng mặt, ủy quyền ngày 06/11/2018 (Bản dịch có xác nhận của Phòng tư pháp Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh).

2. **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1998.

Địa chỉ: khu phố 10, phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2018, đơn trình bày ngày 06/11/2018 đã được Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 19/12/2018, nguyên đơn P trình bày:

Tháng 4 năm 2018, qua giới thiệu của bạn bè, anh quen biết và tìm hiểu chị Nguyễn Thị Ngọc P đến ngày 03/8/2018 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết, vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì nhận thấy tính tình không hợp, khó có thể sống chung nữa nên anh yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận cho anh và chị Nguyễn Thị Ngọc P ly hôn. Anh và chị Phượng không có con chung và tài sản chung.

Vì lý do công việc, nguyên đơn P có đơn xin vắng mặt và ủy quyền việc nhận văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Từ Cẩm P.

Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18/01/2019, bị đơn Nguyễn Thị Ngọc P trình bày:

Tháng 4 năm 2018 qua giới thiệu của bạn bè, chị và anh P quen biết nhau, ngày 29/4/2018 tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn ngày 03/8/2018 và sống chung với nhau ở nhà người quen tại thành phố Hồ Chí Minh. Do không tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn nên vợ chồng tôi có những mâu thuẫn về sở thích, tính tình, quan điểm sống nên dẫn đến việc thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 9/2018, anh P bỏ về nước và không còn liên lạc với chị nữa, chị đã nhiều lần tìm cách liên lạc với anh P nhưng không được. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận cho ly hôn với anh P. Về con chung, nợ chung, tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Vì lý do công việc, chị không thể tham gia làm việc tại Tòa án, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn và bị đơn không có mặt tại Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật, việc xin ly hôn của nguyên đơn P và bị đơn Nguyễn Thị Ngọc P là có căn cứ và có lý do chính đáng để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Ngọc P, anh P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt vì lý do công việc, không có điều kiện tham gia tố tụng là phù hợp pháp luật theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[2] Chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh P tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2018 ngày 03/8/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận và không vi phạm quy định cấm kết hôn nên quan hệ hôn nhân của họ là hợp pháp theo quy định của Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[3] Mặc dù chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh P đã có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, việc kết hôn là tự nguyện nhưng hai bên chỉ chung sống với nhau trong thời gian ngắn nên tình cảm vợ chồng chưa thật sự gắn bó. Quá trình chung sống, do bất đồng về sở thích, tính tình, quan điểm sống nên thường xuyên mâu thuẫn. Từ tháng 9/2018, anh P và chị Nguyễn Thị Ngọc P đã không còn liên lạc, không còn chung sống, không còn quan tâm và không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Vì vậy, mục đích kết hôn để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Đến nay, anh P yêu cầu ly hôn là phù hợp pháp luật theo quy định tại Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nên Tòa án chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung, hai đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[5] Anh P phải chịu án phí sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 37; Điểm a

Khoản 1 Điều 38; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Điều 8, Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 121, Điều 122, Khoản 2 Điều 123, Khoản 1 Khoản 2 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P: Anh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc P.

2. Về án phí:

Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0025765 ngày 10/01/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Anh P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- UBND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hiệp Hòa